

TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN BẠN ĐỌC TẠI THƯ VIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Năm 2024

Tổng số phiếu phát ra: 300 phiếu

Tổng số phiếu thu về: 300 phiếu

TT	Nội dung câu hỏi và tình huống trả lời	Tổng số phiếu	Phần trăm
1. THÔNG TIN BẠN ĐỌC			
Q 1	Anh/ Chị là		
	- Sinh viên	199	66.3%
	- Học viên	101	33.7%
	- Cán bộ	0	0%
Q 2	Đơn vị Anh/Chị học tập công tác		
Q 3	Giới tính		
	- Nam	158	52.7%
	- Nữ	142	47.3%
Q 4	Anh/Chị có đến Thư viện thường xuyên không?		
	- Hàng ngày	47	15.7%
	- 1-2 lần/tuần	92	30.7%
	- 1-2 lần/tháng	68	22.7%
	- 1-2 lần/quý	63	21%
	- Không bao giờ	29	9.7%
Q 5	Lý do Anh/Chị đến Thư viện		
	- Đọc, mượn tài liệu	222	74%
	- Trao đổi, học tập nhóm	99	33%
	- Lý do khác (Ghi rõ)	17	5.7%
2. CƠ SỞ VẬT CHẤT			
Q 6	Theo Anh/Chị số lượng máy tính để tra cứu tại Thư viện đã đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc chưa?		
	- Rất đầy đủ	132	44%
	- Đầy đủ	151	50.3%
	- Bình thường	12	4%
	- Chưa đầy đủ	3	1%
	- Rất ít	2	0.7%
Q 7	Việc truy cập Internet và tra cứu tìm kiếm thông tin trên máy tính tại Thư viện là:		
	- Rất nhanh chóng, dễ dàng	80	26.7%
	- Nhanh chóng, dễ dàng	108	36%
	- Bình thường	97	32.3%
	- Khá chậm	14	4.7%
	- Khá khó khăn	1	0.3%

Q 8	Theo Anh/Chị yếu tố nào sau đây của phòng đọc trong Thư viện chưa phù hợp (Có thể chọn hơn 1 đáp án)?		
	- Diện tích	65	21.7%
	- Ánh sáng	76	25.3%
	- Sự yên tĩnh	46	15.3%
	- Ý kiến khác (Ghi rõ)	6	2%
Q 9	Mức độ hài lòng của Anh/Chị đối với cơ sở vật chất và trang thiết bị tại Thư viện		
	- Rất hài lòng	132	44%
	- Hài lòng	145	48.3%
	- Bình thường	21	7%
	- Không hài lòng	2	0.7%
	- Rất không hài lòng	0	0%
3. NGUỒN TÀI LIỆU SÁCH, BÁO, LUẬN VĂN...			
Q10	Theo Anh/Chị số lượng đầu sách, báo, luận văn, nguồn tài liệu tại Thư viện:		
	- Rất đầy đủ	85	28.3%
	- Đầy đủ	140	46.7%
	- Bình thường	58	19.3%
	- Ít	17	5.7%
	- Rất ít	0	0%
Q 11	Hệ thống các nguồn tài liệu sách, báo, luận văn...được xếp trong Thư viện:		
	- Rất khoa học, dễ tìm	93	31%
	- Khoa học, dễ tìm	122	40.7%
	- Bình thường	69	23%
	- Chưa khoa học, dễ tìm	14	4.7%
	- Hoàn toàn không khoa học, dễ tìm	2	0.7%
Q 12	Anh/Chị thường khai thác sử dụng tài liệu nào tại Thư viện?		
	- Sách	167	55.7%
	- Báo, tạp chí	91	30.3%
	- Luận văn, luận án	103	34.3%
	- Tài liệu khác (Ghi rõ)	3	1%
Q 13	Tài liệu của Thư viện có đáp ứng kịp nhu cầu của Anh/Chị không?		
	- Rất kịp thời	80	26.7%
	- Kịp thời	146	48.7%
	- Bình thường	66	22%
	- Chưa kịp thời	8	2.7%
	- Hoàn toàn không kịp thời	0	0%

Q 14	Nội dung nguồn tài liệu phù hợp với nhu cầu của Anh/Chị vì:		
	- Tài liệu phong phú và mới	91	30.3%
	- Tài liệu sát với chương trình học và nghiên cứu	193	64.3%
	- Tài liệu Anh/Chị cần không có ở nơi khác	63	21%
	- Lý do khác (Ghi cụ thể)	0	0%
Q15	Mức độ nội dung vốn tài liệu so với nhu cầu của Anh/Chị		
	- 75-100%	112	37.3%
	- 50-75%	148	49.3%
	- 25-50%	37	12.3%
	- < 25%	3	1%
Q 16	Mức độ hài lòng của Anh/Chị đối với nguồn tài liệu tại Thư viện		
	- Rất hài lòng	118	39.3%
	- Hài lòng	147	49%
	- Bình thường	30	10%
	- Không hài lòng	3	1%
	- Rất không hài lòng	2	0.7%
4. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, PHỤC VỤ			
Q 17	Theo Anh/Chị quy trình mượn trả các nguồn tài liệu của Thư viện		
	- Rất thuận tiện	91	30.3%
	- Thuận tiện	125	41.7%
	- Bình thường	61	20.3%
	- Chưa thuận tiện	19	6.3%
	- Hoàn toàn bất tiện	4	1.3%
Q 18	Tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên Thư viện		
	- Rất nhiệt tình, trách nhiệm cao	102	34%
	- Nhiệt tình	113	37.7%
	- Bình thường	70	23.3%
	- Chưa nhiệt tình	12	4%
	- Thiếu nhiệt tình, thiếu trách nhiệm	3	1%
Q 19	Mức độ hài lòng của Anh/Chị đối với hoạt động quản lý và phục vụ tại Thư viện		
	- Rất hài lòng	117	39%
	- Hài lòng	132	44%
	- Bình thường	39	13%
	- Chưa hài lòng	9	3%
	- Rất không hài lòng	3	1%

TRƯỞNG THƯ VIỆN



Phó Thủ Lê Hằng

```
FREQUENCIES VARIABLES=Q1.SV Q1.HV Q1.CB Q2 Q3.Nam Q3.Nu Q4 Q5.DocmuonTL
Q5.Hocnhom Q5.Khac Q6 Q7 Q8.Dtich Q8.Asang Q8.Yentinh Q8.Khac Q9 Q10 Q11
Q12.Sach Q12.Baotapchi Q12.LVLA Q12.TLkhac Q13 Q14.PPmoi Q14.satCT
Q14.kconoikhac Q14.LyDokhac Q15 Q16 Q17 Q18
Q19 VAR00002
/STATISTICS=MEAN SUM
/ORDER=ANALYSIS.
```

Frequencies

Notes		
Output Created		25-SEP-2024 10:10:05
Comments		
	Data	D:\Khao sat y kien ban doc\Khao sat y kien ban doc 2024\KS 2024.sav
Input	Active Dataset	DataSet1
	Filter	<none>
	Weight	<none>
	Split File	<none>
	N of Rows in Working Data File	300
	Definition of Missing	User-defined missing values are treated as missing.
Missing Value Handling	Cases Used	Statistics are based on all cases with valid data.

Syntax		FREQUENCIES VARIABLES=Q1.SV Q1.HV Q1.CB Q2 Q3.Nam Q3.Nu Q4 Q5.DocmuonTL Q5.Hocnhom Q5.Khac Q6 Q7 Q8.Dtich Q8.Asang Q8.Yentinh Q8.Khac Q9 Q10 Q11 Q12.Sach Q12.Baotapchi Q12.LVLA Q12.TLkhac Q13 Q14.PPmoi Q14.satCT Q14.kconoikhac Q14.LyDokhac Q15 Q16 Q17 Q18 Q19 VAR00002 /STATISTICS=MEAN SUM /ORDER=ANALYSIS.
Resources	Processor Time	00:00:00.00
	Elapsed Time	00:00:00.01

[DataSet1] D:\Khao sat y kien ban doc\Khao sat y kien ban doc 2024\KS
2024.sav

	Q1.SV	Q1.HV	Q1.CB	Q2	Q3.Nam	Q3.Nu	Q4

Frequency Table

Q1.SV

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	199	66.3	100.0	100.0
Missing	System	101	33.7		
Total		300	100.0		

Q1.HV

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	101	33.7	100.0	100.0
Missing	System	199	66.3		
Total		300	100.0		

Q1.CB

		Frequency	Percent
Missing	System	300	100.0

Q2

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
		199	66.3	66.3	66.3
	Benh vien 103	1	.3	.3	66.7
	BSNT	10	3.3	3.3	70.0
	BSNT GMHS	1	.3	.3	70.3
	BSNT Hoa sinh K46	1	.3	.3	70.7
	BSNT YSHDT	1	.3	.3	71.0
	BSNT- Tai mui hong	1	.3	.3	71.3
	BSNT- Than kinh	1	.3	.3	71.7
	BSNT-YHDP	1	.3	.3	72.0
	BV Nhi TW	1	.3	.3	72.3

BV Phoi HN	1	.3	.3	72.7
BVDK tỉnh Dien Bien	1	.3	.3	73.0
BVDK tỉnh Ninh Binh	1	.3	.3	73.3
CH	6	2.0	2.0	75.3
CH CDHA	1	.3	.3	75.7
CH Dieu duong	2	.7	.7	76.3
Ch Dinh duong	1	.3	.3	76.7
CH GMHS	1	.3	.3	77.0
CH KTXNYH	2	.7	.7	77.7
CH lao khoa	2	.7	.7	78.3
CH Mat	1	.3	.3	78.7
CH Ngoai	7	2.3	2.3	81.0
CH Nhan khoa	1	.3	.3	81.3
CH noi	2	.7	.7	82.0
CH Noi Tiet	1	.3	.3	82.3
CH PHCN	1	.3	.3	82.7
CH QLBV	1	.3	.3	83.0
CH RHM	2	.7	.7	83.7
CH ung thu	1	.3	.3	84.0
CH YHCT	2	.7	.7	84.7
CH- BV Mat TW	1	.3	.3	85.0
CK	1	.3	.3	85.3
CK 2 HSCC	1	.3	.3	85.7
CK 2 Ngoai	2	.7	.7	86.3
CK 2 Ngoai TH	2	.7	.7	87.0
CK GMHS	1	.3	.3	87.3
CK Mat	1	.3	.3	87.7
CK noi	1	.3	.3	88.0
CK RHM	1	.3	.3	88.3
Ck Tam than	1	.3	.3	88.7
CK YHCT	1	.3	.3	89.0
CK- GMHS, BV Thanh Hoa	1	.3	.3	89.3
CK1 Hoa sinh	1	.3	.3	89.7
CK1 HSCC	1	.3	.3	90.0
CK1 K27 Huyet hoc	1	.3	.3	90.3

CK1 KTYH	1	.3	.3	90.7
CK1- Noi	2	.7	.7	91.3
CK2-TMH	1	.3	.3	91.7
CKII noi ho hap	1	.3	.3	92.0
DHYHN	1	.3	.3	92.3
K30	1	.3	.3	92.7
NCS 33-HHTM	1	.3	.3	93.0
NT	1	.3	.3	93.3
NT CDHA	2	.7	.7	94.0
NT44	1	.3	.3	94.3
NT45 YHDP	1	.3	.3	94.7
VDT YHDP	1	.3	.3	95.0
Vien DT YHDP	1	.3	.3	95.3
Y3 YK3	12	4.0	4.0	99.3
Y3 YK4	2	.7	.7	100.0
Total	300	100.0	100.0	

Q3.Nam

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	158	52.7	100.0	100.0
Missing System	142	47.3		
Total	300	100.0		

Q3.Nu

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
1	142	47.3	99.3	99.3
Valid 4	1	.3	.7	100.0
Total	143	47.7	100.0	
Missing System	157	52.3		
Total	300	100.0		

Q4

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	47	15.7	15.7	15.7
	2	92	30.7	30.8	46.5
	3	68	22.7	22.7	69.2
	4	63	21.0	21.1	90.3
	5	29	9.7	9.7	100.0
	Total	299	99.7	100.0	
Missing	System	1	.3		
Total		300	100.0		

Q5.DocmuonTL

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	222	74.0	100.0	100.0
Missing	System	78	26.0		
Total		300	100.0		

Q5.Hocnhom

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	99	33.0	100.0	100.0
Missing	System	201	67.0		
Total		300	100.0		

Q5.Khac

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	17	5.7	100.0	100.0
Missing	System	283	94.3		
Total		300	100.0		

Q6

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	132	44.0	44.0	44.0
2	151	50.3	50.3	94.3
3	12	4.0	4.0	98.3
4	3	1.0	1.0	99.3
5	2	.7	.7	100.0
Total	300	100.0	100.0	

Q7

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	80	26.7	26.7	26.7
2	108	36.0	36.0	62.7
3	97	32.3	32.3	95.0
4	14	4.7	4.7	99.7
5	1	.3	.3	100.0
Total	300	100.0	100.0	

Q8.Dtich

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	65	21.7	100.0	100.0
Missing System	235	78.3		
Total	300	100.0		

Q8.Asang

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	76	25.3	100.0	100.0
Missing System	224	74.7		
Total	300	100.0		

Q8.Yentinh

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	46	15.3	100.0	100.0
Missing	System	254	84.7		
Total		300	100.0		

Q8.Khac

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	6	2.0	100.0	100.0
Missing	System	294	98.0		
Total		300	100.0		

Q9

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
	1	132	44.0	44.0	44.0
	2	145	48.3	48.3	92.3
Valid	3	21	7.0	7.0	99.3
	4	2	.7	.7	100.0
Total		300	100.0	100.0	

Q10

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
	1	85	28.3	28.3	28.3
	2	140	46.7	46.7	75.0
Valid	3	58	19.3	19.3	94.3
	4	17	5.7	5.7	100.0
Total		300	100.0	100.0	

Q11

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	93	31.0	31.0	31.0
2	122	40.7	40.7	71.7
3	69	23.0	23.0	94.7
4	14	4.7	4.7	99.3
5	2	.7	.7	100.0
Total	300	100.0	100.0	

Q12.Sach

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	167	55.7	100.0	100.0
Missing System	133	44.3		
Total	300	100.0		

Q12.Baotapchi

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	91	30.3	100.0	100.0
Missing System	209	69.7		
Total	300	100.0		

Q12.LVLA

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1	103	34.3	100.0	100.0
Missing System	197	65.7		
Total	300	100.0		

Q12.TLkhac

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	3	1.0	100.0	100.0
Missing	System	297	99.0		
Total		300	100.0		

Q13

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
	1	80	26.7	26.7	26.7
	2	146	48.7	48.7	75.3
Valid	3	66	22.0	22.0	97.3
	4	8	2.7	2.7	100.0
Total		300	100.0	100.0	

Q14.PPmoi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	91	30.3	100.0	100.0
Missing	System	209	69.7		
Total		300	100.0		

Q14.satCT

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	193	64.3	100.0	100.0
Missing	System	107	35.7		
Total		300	100.0		

Q14.kconoikhac

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	63	21.0	100.0	100.0
Missing	System	237	79.0		
Total		300	100.0		

Q14.LyDokhac

		Frequency	Percent
Missing	System	300	100.0

Q15

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	112	37.3	37.3	37.3
	2	148	49.3	49.3	86.7
	3	37	12.3	12.3	99.0
	4	3	1.0	1.0	100.0
	Total	300	100.0	100.0	

Q16

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	118	39.3	39.3	39.3
	2	147	49.0	49.0	88.3
	3	30	10.0	10.0	98.3
	4	3	1.0	1.0	99.3
	5	2	.7	.7	100.0
Total		300	100.0	100.0	

Q17

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
1	91	30.3	30.3	30.3
2	125	41.7	41.7	72.0
3	61	20.3	20.3	92.3
4	19	6.3	6.3	98.7
5	4	1.3	1.3	100.0
Total	300	100.0	100.0	

Q18

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
1	102	34.0	34.0	34.0
2	113	37.7	37.7	71.7
3	70	23.3	23.3	95.0
4	12	4.0	4.0	99.0
5	3	1.0	1.0	100.0
Total	300	100.0	100.0	

Q19

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
1	117	39.0	39.0	39.0
2	132	44.0	44.0	83.0
3	39	13.0	13.0	96.0
4	9	3.0	3.0	99.0
5	3	1.0	1.0	100.0
Total	300	100.0	100.0	

VAR00002

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	300	100.0	100.0	100.0

